

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN GIANG  
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/HSST

Ngày: 10/8/2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

***Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Miện

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Lê Hải Dương

Ông Tạ Minh Tiếp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Giang

**- Đại diện VKSND huyện Văn Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lý Thị L - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 80/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2023/QĐXXST-HS ngày 14/7/2023 đối với:

**\* Các bị cáo:**

**1. Phạm Đình T;** tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1990 tại: huyện N, tỉnh Hải Dương; Nơi đăng ký HKTT: Thôn N, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Phạm Đình Đ, sinh năm 1962 và bà: Nguyễn Thị M, sinh năm 1961; Vợ: Không (đã ly hôn với Vũ Thị M1); Có 01 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tạm giữ từ ngày 11/01/2023 đến ngày 17/01/2023 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

**2. Vương Văn T1;** tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1994 tại: huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; Nơi đăng ký HKTT: Thôn H, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Vương Văn T2, sinh năm 1960 và bà: Đình Thị N, sinh năm 1966; Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2020 bị Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt hành chính

về hành vi Đánh bạc; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2023. Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Hưng Yên. (Có mặt)

\* **Bị hại:** Anh Quàng Văn Đ1, sinh năm: 2002 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Bản Đ, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1961 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương

- Ông Đặng Văn P, sinh năm: 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Lò Thị T3, sinh năm: 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Bản Đ, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La

- Chị Dương Ánh H, sinh năm: 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tô G, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

- Chị Lò Thị T4, sinh năm: 1997 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên

\* **Người làm chứng:**

- Anh Trịnh Đức H1, sinh năm: 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số D, ngõ A, đường T, phường T, quận B, thành phố Hà Nội

- Anh Lò Văn T5, sinh năm: 1998 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Bản T, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Phạm Đình T, sinh năm 1990, HKTT: Thôn N, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương là công nhân làm thuê trong công trường xây dựng khu đô thị S thuộc xã N, huyện V. Vào sáng ngày 05/01/2023, T đi từ nhà trọ tại thôn P, xã N ra đường L, xã N để đi làm thì gặp bạn có tên là T6 (nhưng không rõ lai lịch cụ thể). T biết T6 đã từng sử dụng chất ma túy, nên đã nhờ T6 theo dõi các đối tượng bán ma túy để báo tin cho Cơ quan Công an xử lý, thì T6 đồng ý. Chiều ngày 05/01/2023, T nhận được điện thoại của T6 báo tin cho T biết: T6 sẽ rủ bạn là Vương Văn T1 (thường gọi là P1), sinh năm 1994, HKTT: Thôn H, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang cùng theo dõi đối tượng bán ma túy thì T cũng đồng ý.

Khoảng 11 giờ ngày 09/01/2023, T6 cùng Lê Văn T7 sinh năm 1998, HKTT: Bản Mỹ, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu, Q và một nam thanh niên (đều là bạn T6 và chưa rõ lai lịch) đến căn hộ S đường Đ thuộc phân khu B khu đô thị S thì phát hiện anh Quảng Văn Đ1, sinh năm 2002, HKTT: Bản Đán Đanh, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La có biểu hiện bán trái phép chất ma túy. Thấy vậy, T6 cùng T7, Q và nam thanh niên lạ mặt bảo Đ1 cùng về quán mua bán sắt vụn của chị Lò Thị T4, sinh năm 1997 ở tại thôn A, xã N để nói chuyện. Sau đó T6 gọi điện cho T1 để thông báo cho T1 biết. Khoảng 12 giờ ngày 09/01/2023, T nhận được điện thoại của Trưởng thông báo về việc T6 đã phát hiện đối tượng nghi vấn bán trái phép ma túy và đang ở cùng đối tượng đó tại quán mua bán sắt vụn của chị Lò Thị T4, sinh năm 1997 ở tại thôn A, xã N. Thấy vậy, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, biển số 89B2 - 079.79 của bạn gái là chị Dương Ánh H sinh năm 1988, HKTT: Tổ G, phường S, Tp ., tỉnh Cao Bằng đến quán nhà chị T4. T đi lên phòng đầu tiên bên phải tầng 2 của quán nhà chị T4 thì thấy T6, T1 và Q (là bạn của T6, chưa rõ lai lịch cụ thể) đang ở cùng một nam thanh niên được xác định là Quảng Văn Đ1 sinh năm 2002, HKTT: Bản Đán Đanh, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. Thái nhìn trên mặt bàn có 01 túi nilon nên hỏi Đ1: “đây là cái gì” thì Đ1 nói: “đây là ma túy, do Đ1 mua về để sử dụng và bán kiếm lời”. T bảo T1, T6 và Q đi xuống để T nói chuyện riêng với Đ1. T nói sẽ tố cáo với cơ quan Công an để xử lý Đ1 về hành vi “mua bán trái phép chất ma túy”. Nghe T nói vậy, Đ1 lo sợ, đã khóc và quỳ xuống cầu xin T không báo Công an và xin nộp tiền cho T. Lúc này, T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của Đ1, nên T hỏi Đ1: “mày nộp được bao nhiêu” thì Đ1 trả lời: “em có 20.000.000đ đến 30.000.000đ”. T lại nói: “Phải nộp ít nhất 25.000.000đ đến 30.000.000đ còn không thì sẽ báo Công an”. Do Đ1 đã từng bị kết án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, nên rất sợ bị lực lượng Công an bắt giữ và xử lý về hành vi nói trên, chính vì vậy Đ1 đã phải đồng ý theo yêu cầu của T. Tuy nhiên Đ1 chỉ mang theo số tiền mặt là 1.300.000đ nên Đ1 xin được đưa trước số tiền này, rồi sẽ chuyển khoản cho T 25.000.000đ thì T đồng ý. Sau đó T cũng xuống tầng 1 quán nhà chị T4, còn Đ1 vẫn ngồi trên tầng 2. T xuống thấy T1 và T6 đang ngồi uống nước, còn Q đi đâu không rõ. T đã bàn bạc và thống nhất với T1 và T6 là: không báo tin cho cơ quan Công an nữa, vì Đ1 sợ bị Công an xử lý nên đã đồng ý nộp cho T 26.300.000đ; nếu có được số tiền này thì T, T1 và T6 sẽ chia nhau nên cả Trưởng và T6 cũng đều đồng ý. T bảo T1 lấy giấy, bút để viết số tài khoản cho Đ1 chuyển tiền. Trưởng đi ra quây nước của chị T4 tự lấy mảnh giấy và chiếc bút đưa cho T. T cầm bút và giấy đi lên tầng 2 rồi viết số tài khoản 101875327278 mang tên Nguyễn Thị M (là mẹ của T) mở tại Ngân hàng V, nhưng lấy số điện thoại của bạn gái là Dương Ánh H để nhận thông báo giao dịch còn T là người sử dụng số tài khoản trên. T đưa tờ giấy trên cho Đ1 và bảo chuyển 25.000.000đ theo số tài khoản này thì Đ1 đồng ý. Sau đó T lại đi xuống tầng 1 thanh toán cho chị T4 200.000đ tiền nước uống của T1 và T6; đưa cho Trưởng 100.000đ và bảo T6 ở lại chờ Đ1 chuyển đủ tiền thì gọi điện báo tin cho T, khi nào xong việc, thì T sẽ chia tiền sau cho T6 và T1. T6 đồng ý ngồi lại chờ, còn T và T1

ra về trước. Lúc này, Đ1 ở trên tầng 2 dùng điện thoại chuyển 10.000.000đ từ tài khoản số 7908281007960 của Đ1 mở tại Ngân hàng N1 chi nhánh huyện Q, tỉnh Sơn La vào số tài khoản của mang tên M mà T đưa cho, rồi tiếp tục gọi điện về cho mẹ là bà Lò Thị T3, sinh năm 1981, HKTT: Bản Đán Đanh, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La bảo chuyển tiếp 15.000.000đ vào số tài khoản mang tên Mơ theo yêu cầu của T. Khoảng 05 phút sau, Đ1 đi xuống tầng 1 nói với T6 là đã chuyển đủ 25.000.000đ. Cũng trong khoảng thời gian này, chị H báo tin cho T biết là đã nhận được số tiền 25.000.000đ, nên T gọi điện báo T6 cho Đ1 về và không báo tin cho cơ quan Công an nữa.

Ngày 10/01/2023, Đ1 đến trình báo Công an huyện V về việc bị nhóm thanh niên lạ mặt chiếm đoạt tiền như nêu ở trên đồng thời tự nguyện giao nộp xe mô tô biển số 29F1- 540.20 mà Đ1 đã sử dụng để đi đến đường Đ khu đô thị S mục đích để bán ma túy. Cơ quan CSĐT Công an huyện V kiểm tra người Đ1 nhưng không thấy dấu vết, thương tích gì trên người cũng không phát hiện đồ vật gì liên quan đến ma túy.

Ngày 11/01/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã tổ chức khám nghiệm hiện trường tại căn hộ số 40 đường Đ và tại tầng 2 quán mua bán sắt vụn của chị T4. Đồng thời tiến hành kiểm tra rà soát tại hai địa điểm nói trên để truy tìm túi nilon chứa ma túy theo lời khai của Đ1 nhưng không phát hiện và thu giữ được tài liệu đồ vật gì.

Ngày 11/01/2023, trong khi cơ quan CSĐT Công an huyện V đang tiến hành xác minh thì T đến tự thú. Trước đó, T đã chuyển khoản trả lại cho Đ1 số tiền 25.000.000đ đồng, giao nộp cho cơ quan điều tra quản lý số tiền 1.100.000đ và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 promax mà T đã sử dụng để liên hệ với T6. Cơ quan CSĐT Công an huyện V tiến hành kiểm tra chiếc điện thoại đã thu giữ của T nhưng không thu thập được thông tin gì có liên quan. Cùng ngày, Vương Văn T1 cũng đến Cơ quan CSĐT Công an huyện V đầu thú và thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như trên, T1 khai đã sử dụng chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen (không nhớ số) để liên lạc với T nhưng đã làm mất vào ngày 10/01/2023.

Ngày 12/01/2023, chị T4 biết số tiền 200.000đ mà T trả tiền nước cho mình là do phạm tội mà có nên đã giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện V. Chị T4 cũng đã nhận lại 200.000đ khác từ T nên không có đề nghị gì. Chị T4 không biết ai là người lấy giấy, bút ở quán của chị, không biết hành vi phạm tội của T, T1, T6 nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xem xét xử lý đối với chị T4.

Quá trình điều tra xác định: T và T1 có quen biết T6 nhưng không rõ lý lịch, địa chỉ của T6. Các bị cáo không biết rõ lý lịch của Q, T7 và nam thanh niên lạ mặt đã cùng đi với T6 để theo dõi người bán ma túy vào ngày 09/01/2023. Hơn nữa T và T1 cũng xác định Q, T7 và nam thanh niên không biết T đe dọa Đ1 để chiếm đoạt tài sản, nên không có căn cứ để xử lý.

Tại cơ quan điều tra, Quảng Văn Đ1 khai nhận túi nilon chứa chất màu trắng bị 4 thanh niên phát hiện ở căn hộ D đường Đ vào ngày 09/01/2023 là ma túy do Đ1 mua của người đàn ông (chưa rõ lý lịch) ở khu vực quận H, Hà Nội vào ngày 08/01/2023 về chia nhỏ để bán kiếm lời; sau khi bị T phát hiện, sợ bị Công an bắt giữ nên Đ1 đã bỏ lại túi nilon chứa ma túy trên tầng 2 quán nhà chị T4 rồi đi về nên không biết là ai đã lấy mất. Do không thu được số ma túy nói trên, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã tách vụ án Cường đoạt tài sản để tiếp tục điều tra xác minh đối với hành vi giúp sức của T6 đồng thời cũng tiếp tục xác minh làm rõ hành vi có dấu hiệu bán trái phép chất ma túy của Đ1, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với mảnh giấy ghi số tài khoản của bà M do T đưa cho Đ1: Sau khi Đ1 chuyển khoản 25.000.000đ theo yêu cầu của T, Đ1 đã cầm mảnh giấy đi về và vứt ở đường (không nhớ rõ vị trí) nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V không thu giữ được.

Đối với chiếc xe máy biển số 29F1-540.20 được xác định là của anh Đặng Văn P sinh năm 1973, HKTT: Thôn D, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang đã cho Đ1 mượn để làm phương tiện đi lại, không biết Đ1 sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Ngày 20/02/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho anh P chiếc xe trên và anh P không có yêu cầu gì.

Sau khi nhận được tiền do T chuyển trả, anh Đ1 đã trả lại cho mẹ là bà Lò Thị T3 số tiền 15.000.000đ. Nay anh Đ1 yêu cầu T phải trả lại số tiền là 1.300.000đ, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Đối với bà Nguyễn Thị M, chị Dương Ánh H không biết việc T sử dụng số tài khoản ngân hàng đăng ký tên bà M và đăng ký nhận thông báo giao dịch bằng số điện thoại của H để chiếm đoạt tài sản của anh Đ1. Vào ngày 09/01/2023, chị H cho T mượn xe mô tô biển số 89B2 - 079.79 làm phương tiện đi lại và T đã trả lại xe cho chị H. Chị H không biết T đi xe của chị đến quán của chị T4 và chiếm đoạt tài sản của anh Đ1 nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V không thu giữ chiếc xe mô tô trên của chị H và không xem xét xử lý đối với bà M, chị H.

Quá trình điều tra, Phạm Đình T, Vương Văn T1 đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng đã thu giữ chưa xử lý: 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 14 promax; số tiền 1.300.000đ.

Tại bản cáo trạng số 87/CT-VKSVG ngày 03/7/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang đã truy tố các bị cáo Phạm Đình T, Vương Văn T1 về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 1 điều 170 Bộ luật hình sự.

#### **Tại phiên tòa:**

- Các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, khẳng định việc Thái đi về quán mua bán sắt vụn của chị Lò Thị T4 các bị cáo không có mặt nên

không biết. Việc T ở lại quán của chị T4 đến khi chuyển khoản xong tiền cho các bị cáo là do T sợ bị các bị cáo báo Công an về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, không có việc các bị cáo dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực để buộc bị cáo phải đi theo và ở lại quán của chị T4. Bị cáo T không yêu cầu bị cáo T1 phải hoàn trả bị cáo số tiền 100.000 đồng trong số tiền 1.100.000 đồng mà bị cáo đã nộp lại để trả lại anh Đ1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang giữ nguyên quan điểm đã truy tố như nội dung bản Cáo trạng. Đề nghị HĐXX:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Đình T, Vương Văn T1 phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 điều 170; Điều 17; điểm s, b, r, t khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 58; Khoản 1,2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Đình T. Xử phạt bị cáo Phạm Đình T từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng: Khoản 1 điều 170; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 58; Khoản 1,2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự; Khoản 4 điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Vương Văn T1. Xử phạt bị cáo Vương Văn T1 từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Vương Văn T1 nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật thi hành án hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 điều 46, Điểm a khoản 1 điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị HĐXX: Tịch thu cho phát mại sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, bên trong có 01 sim V1. Trả lại anh Quảng Văn Đ1 số tiền 1.300.000 đồng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]. Về tố tụng:**

- Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đúng quy định của pháp luật.

- Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt không có lý do, bị cáo không đề nghị gì. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt họ vì họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án. Xét thấy quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vụ án vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

## **[2]. Về hành vi phạm tội:**

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp khách quan với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản chỉ dẫn, sơ đồ kèm theo và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được Cơ quan điều tra thu thập theo quy định của pháp luật. Do đó HĐXX đã đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 09/01/2023, tại cửa hàng mua bán sắt vụn của chị Lò Thị T4 ở thôn A, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên, Phạm Đình T đã đe dọa sẽ tố cáo Quảng Văn Đ1 về hành vi mua bán trái phép chất ma túy với cơ quan Công an để uy hiếp, buộc Đ1 phải đưa cho T số tiền 26.300.000 đồng. Trước khi Đ1 chuyển số tiền trên cho T thì T đã thống nhất việc này với Vương Văn T1 và một người tên T6 (không rõ lý lịch cụ thể) để cùng nhau chiếm đoạt số tiền trên. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham nên vẫn thực hiện để chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

## **[3]. Về tính chất nguy hiểm trong hành vi phạm tội của các bị cáo, vai trò của các bị cáo trong vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:**

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, không có người chủ mưu cầm đầu. Các bị cáo không bàn bạc trước về việc chiếm đoạt tài sản của anh Đ1. Sau khi T đe dọa anh Đ1 và anh Đ1 đồng ý làm theo yêu cầu của T thì T mới thống nhất với T1 và T6. T là người chủ động thực hành, nhận tiền, xử lý tiền chiếm đoạt được của anh Đ1 nên T phải chịu trách nhiệm hình sự chính trong vụ án. Vương Văn T1 sau khi

được T thông báo đã đồng ý làm theo và giúp T lấy bút, giấy để thái ghi số tài khoản để anh Đ1 chuyển tiền đến, đã nhận 100.000 đồng và sẽ nhận thêm tiền T chia từ số tiền chiếm đoạt được của anh Đ1 nên T1 giữ vai trò thứ hai sau T.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đều phạm tội lần đầu và sau khi phạm tội T đã tự thú, T1 đã đầu thú; Bị cáo T đã tự nguyện chuyển trả anh Đ1 số tiền 25.000.000 đồng và giao nộp 1.100.000 đồng cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả; Trong thời gian sinh sống ở xã N, T đã tích cực hợp tác với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Hưng Yên trong việc phát hiện tội phạm về ma túy và được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Hưng Yên xác nhận; Anh Đ1 đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, r, s, t khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo T1 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo T1 đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, đã chấp hành xong và được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính đến ngày phạm tội là hơn một năm.

Về hình phạt chính: HĐXX thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài hành vi trộm cắp tài sản lần này bị xét xử thì bị cáo T không có vi phạm pháp luật nào khác. Bị cáo T1 đến thời điểm hiện tại đã được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hơn một năm. Tương là đồng phạm, giữ vai trò không đáng kể trong vụ án. Do đó, không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, góp phần phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

#### **[4]. Về xử lý vật chứng:**

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, bên trong có 01 sim V1 xác định bị cáo là chủ sở hữu, đây phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu cho phát mại sung quỹ nhà nước.

#### **[5]. Về trách nhiệm dân sự:**

- Số tiền 1.300.000 đồng là tiền các bị cáo chiếm đoạt của anh Đ1, bị cáo T và chị Lò Thị T4 đã tự nguyện nộp lại, anh Đ1 yêu cầu các bị cáo trả lại là phù hợp nên chấp nhận yêu cầu của anh Đ1, trả lại anh Đ1 số tiền này.

- Số tiền 100.000 đồng bị cáo T1 nhận được từ tiền chiếm đoạt của anh Đ1, T1 đã tiêu sài cá nhân hết. Bị cáo T đã giao nộp số tiền này và không yêu cầu T1



phải hoàn trả nên ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo T, không truy thu của bị cáo T1 số tiền này.

- Chị Lò Thị T4 đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V số tiền 200.000 đồng là tiền các bị cáo chiếm đoạt của anh Đ1 đồng thời T đã trả lại chị T4 200.000 đồng tiền nước. Chị T4 không yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết.

#### **[6]. Các vấn đề khác:**

- Quá trình điều tra không xác định được lý lịch, địa chỉ của Q, T7 và nam thanh niên lạ mặt đã cùng đi với T6 để theo dõi người bán ma túy vào ngày 09/01/2023. Hơn nữa T và T1 cũng xác định Q, T7 và nam thanh niên không biết T đe dọa Đ1 để chiếm đoạt tài sản, nên không có căn cứ để xử lý đối với Q, T7 và nam thanh niên trên.

- Đối với chiếc xe máy biển số 29F1-540.20 được xác định là của anh Đặng Văn P sinh năm 1973, HKTT: Thôn D, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang đã cho Đ1 mượn để làm phương tiện đi lại, không biết Đ1 sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Ngày 20/02/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho anh P chiếc xe trên và anh P không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

- Đối với bà Nguyễn Thị M, chị Dương Ánh H không biết việc T sử dụng số tài khoản ngân hàng đăng ký tên bà M và đăng ký nhận thông báo giao dịch bằng số điện thoại của H để chiếm đoạt tài sản của anh Đ1. Ngày 09/01/2023, chị H cho T mượn xe mô tô biển số 89B2 - 079.79 làm phương tiện đi lại và T đã trả lại xe cho chị H. Chị không biết T đi xe của chị đến quán của chị T4 và chiếm đoạt tài sản của anh Đ1 nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V không thu giữ chiếc xe mô tô trên của chị H và không xem xét xử lý đối với bà M, chị H2 phù hợp, nay không đặt ra xem xét xử lý.

- Hành vi của các bị cáo đối với anh Đ1 không có đủ căn cứ xác định là hành vi bắt, giữ người trái pháp luật nên không đặt ra xử lý.

**[7]. Về án phí:** Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo T đã tự nguyện nộp 1.100.000 đồng để bồi thường cho anh Đ1 trước khi mở phiên tòa nên các bị cáo không phải chịu án phí dân sự trong vụ án này.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

#### **1. Căn cứ vào:**

- Khoản 1 điều 170; Điều 17; điểm b, r, s, t khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 58; Khoản 1,2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Đình T.

- Khoản 1 điều 170; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 58; Khoản 1,2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự; Khoản 4 điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Vương Văn T1.

- Điểm a khoản 1 điều 46; Điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 1 Điều 48; Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 136; Khoản 1 Điều 292; Khoản 1 điều 293; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**2. Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo Phạm Đình T, Vương Văn T1 phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

### **3. Mức hình phạt:**

Xử phạt bị cáo Phạm Đình T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Vương Văn T1 01(một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Vương Văn T1 nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Phạm Đình T cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Vương Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

*Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 của Luật thi hành án hình sự.*

*Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

### **4. Về xử lý vật chứng:**

- Tịch thu cho phát mại sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, bên trong có 01 sim V1.

- Trả lại anh Quàng Văn Đ1 số tiền 1.300.000 (Một triệu ba trăm nghìn) đồng.

*(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 24/7/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V và Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang và ủy nhiệm chi ngày 24/7/2023 tại Kho bạc nhà nước huyện V)*

**5. Về án phí:** Buộc các bị cáo Phạm Đình T, Vương Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**6. Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo Phạm Đình T, Vương Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV&THA - TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- CA huyện V;
- VKS huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**NGUYỄN THỊ MIỆN**